TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2020/DS-ST
Ngày 26-9-2020
V/v tranh chấp hợp đồng thi công công trình xây dựng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Bùi Thị Hồng Ánh;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tấn;

2. Ông Nguyễn Đình Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hà Thanh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày từ 22 đến 26 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 235/2020/TLST-DS ngày 25-6-2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng thi công công trình xây dựng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 131/2020/QĐXXST-DS ngày 25-8-2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đinh Tiến D, sinh năm 1980; địa chỉ: Xóm 7, thôn M, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi;

Người đại diện hợp pháp: Ông Trịnh Văn H, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn X, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 28-7-2020), có mặt;

2. Bị đơn: Ông Trương Quốc V, sinh năm 1981; địa chỉ: Hẻm 3A/B, đường H, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện ngày 27-4-2020, đơn khởi kiện bổ sung ngày 16-5-2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn (do ông Trịnh Văn H đại diện) trình bày:

Ông Đinh Tiến D và ông Trương Quốc V có quen biết nhau. Đầu năm 2016 ông V có thầu xây dựng tại huyện T, tỉnh Quảng Ngãi gồm các công trình: Công trình nối tiếp công trình nước sinh hoạt K; Công trình nâng cấp hệ thống thủy lợi N; Công trình Trường mẫu giáo T. Quá trình thực hiện các công trình thì ông V có thuê ông D thi công một số hạng mục của các công trình trên và hai bên chỉ thỏa thuận bằng miệng. Sau khi ông D hoàn thành các hạng mục của các công trình trên thì hai bên đã chốt nợ, theo đó ông V còn nợ ông D với số tiền 240.700.000 đồng, ông V viết giấy hẹn ngày 27-12-2018 âm lịch nhận nợ cho ông D với số tiền 240.700.000 đồng. Ngày 17-6-2019, ông V viết giấy nợ tiền, hẹn từ 17-7-2019 sẽ trả 100.000.000 đồng, số tiền còn lại sẽ trả mỗi tháng 40.000.000 đồng đến ngày 17-11-2019 hoàn trả đủ. Đến ngày hẹn trong giấy, ông V không trả và tiếp tục viết giấy hẹn không ghi ngày tháng năm có nợ ông D với số tiền 240.700.000 đồng, hẹn đến 25-10-2019 sẽ trả đầy đủ. Từ đó đến nay ông V không trả tiền cho ông D.

Ông D yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông V trả cho ông D số tiền 240.700.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 26-10-2019 đến ngày 10-5-2020 là 11.673.950 đồng; không yêu cầu tính lãi từ ngày 11-5-2020 cho đến nay.

2. Tại Bản tự khai và Biên bản làm việc, đối chất ngày 22-7-2020, bị đơn ông Trương Quốc V trình bày:

Việc thi công một số hạng mục của các công trình như ông D trình bày là đúng. Sau khi hoàn thành công việc, ông còn nợ ông D số tiền 240.700.000 đồng theo các giấy nợ ghi ngày 27-12-2018 âm lịch, giấy nợ tiền ghi ngày 17-6-2019 và giấy hẹn không ghi ngày tháng năm như ông D trình bày là đúng. Ông D giữ chứng minh nhân dân của ông, đồng thời thuê một số đối tượng xã hội đen hăm dọa ông và gia đình ông. Nay ông D khởi kiện yêu cầu ông trả 240.700.000 đồng thì ông đồng ý trả, nhưng ông D phải trả bản gốc Giấy nợ tiền ghi ngày 17-6-2019 và Giấy chứng minh nhân dân cho ông, đồng thời yêu cầu Tòa án phải mời nhóm xã hội đen do ông D thuê đến Tòa cam kết không đe dọa gia đình ông nữa.

3. Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân

sự về thẩm quyền, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, tống đạt văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử, thời gian gởi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng trình tự, thủ tục phiên tòa; nguyên đơn tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa tuân theo đúng pháp luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông V trả cho ông D số tiền 240.700.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 26-10-2019 đến ngày 10-5-2020 là 11.673.950 đồng; ghi nhận sự tự nguyện của ông D về việc không yêu cầu tính lãi từ ngày 11-5-2020 đến ngày xét xử sơ thẩm; ông V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật; hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho ông D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bị đơn ông Trương Quốc V vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ông D trình bày về việc hợp đồng thi công một số hạng mục của các công trình cho ông V và cung cấp 01 (một) bản gốc giấy hẹn ngày 27-12-2018 âm lịch, 01 (một) bản gốc giấy hẹn không ghi ngày tháng năm, theo đó ông V có nợ ông D với số tiền 240.700.000 đồng. Ông V thừa nhận các tình tiết về hợp đồng thi công công trình, số tiền nợ và các giấy nợ do ông D cung cấp. Theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là những tình tiết không cần chứng minh.

[2.2] Đối với giấy nợ tiền ngày 17-6-2019, ông D chỉ cung cấp được bản photo và trình bày rằng đã làm mất nên không thể cung cấp được. Ông V thừa nhận có viết giấy nợ ngày 17-6-2019 như bản photo mà ông D cung cấp. Theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tình tiết không cần chứng minh.

[2.3] Về yêu cầu khởi kiện của ông D đối với số tiền nợ gốc:

Ông V thừa nhận giữa ông và ông D có hợp đồng thi công công trình và ông D đã hoàn thành việc thi công các hạng mục, hai bên đã chốt nợ, theo đó ông có nợ ông D số tiền là 240.700.000 đồng. Theo thỏa thuận tại giấy hẹn không ghi ngày tháng năm (do ông V thừa nhận), ông V hẹn đến 25-10-2019 sẽ trả cho ông D đầy đủ số tiền 240.700.000 đồng, nhưng không trả là vi

phạm nghĩa vụ đã thỏa thuận giữa hai bên. Ông D khởi kiện yêu cầu buộc ông V trả số tiền 240.700.000 đồng là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] Về lãi suất: Ông D yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 9%/năm từ 26-10-2019 đến 10-5-2020, thành tiền 11.673.950 đồng. Theo giấy hẹn không ghi ngày tháng năm do ông V viết có nội dung hẹn đến ngày 25-10-2019 sẽ trả đầy đủ số tiền 240.700.000 đồng; tuy nhiên đến ngày 25-10-2019, ông V không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên ông V phải chịu trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 305 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Mức lãi suất 9%/năm mà ông D yêu cầu phù hợp với quy định của Điều 305 của Bộ luật Dân sự năm 2005 nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Tiền lãi được tính cụ thể như sau:

240.700.000 đồng x 9%/năm x 06 tháng 14 ngày = 11.673.950 đồng.

Ông D không yêu cầu tính lãi tiếp theo đến ngày xét xử sơ thẩm nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.5] Đối với trình bày và yêu cầu của ông V về việc ông D phải trả chứng minh nhân dân cho ông và yêu cầu Tòa án phải mời nhóm xã hội đen do ông D thuê đến Tòa cam kết không đe dọa gia đình ông nữa. Xét các yêu cầu của ông V không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.6] Về án phí: Do Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu 12.618.698 đồng án phí dân sự sơ thẩm (252.373.950 đồng x 5%) theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; hoàn trả lại tạm ứng án phí cho ông D.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 92, 144, 147, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 3 của Luật Xây dựng; các Điều 305, 388, 401 của Bộ luật Dân sự năm 2005, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Tiến D về việc "Tranh chấp hợp đồng thi công công trình xây dựng".

2. Buộc ông Trương Quốc V có nghĩa vụ trả cho ông Đinh Tiến D số tiền 252.373.950 đồng (hai trăm năm mươi hai triệu, ba trăm bảy mươi ba nghìn, chín trăm năm mươi đồng).

3. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Đinh Tiến D về việc không yêu cầu tiếp tục tính lãi từ ngày 11-5-2020 đến ngày xét xử sơ thẩm.

4. Ông Trương Quốc V phải chịu 12.618.698 đồng (mười hai triệu, sáu trăm mười tám nghìn, sáu trăm chín mươi tám đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Đinh Tiến D số tiền tạm ứng án phí 6.309.349 đồng (sáu triệu, ba trăm lẻ chín nghìn, ba trăm bốn mươi chín đồng) theo biên lai thu số AA/2018/0004506 ngày 10-6-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

5. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

6. Nguyên đơn có mặt tại phiên có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật Tố tụng, Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP Quảng Ngãi;
- CCTHADS TP Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Hồng Ánh